

88th Parents-Love-Chess Rated Series - Standard

Cập nhật ngày: 03.10.2026 00:59:02

Danh sách ban đầu

| Số |     | Tên                      | FideID    | LĐ  | Rtg  | Phái | Loại | Nhóm | CLB/Tỉnh        |
|----|-----|--------------------------|-----------|-----|------|------|------|------|-----------------|
| 1  |     | Võ, Đại Hoài Đức         | 12400033  | VIE | 1923 |      | S35  | c    | Masters of Time |
| 2  |     | Trương, Phúc Nhật Nguyên | 12450480  | VIE | 1716 |      | U09  |      | Super Kids      |
| 3  |     | Nguyễn, Hoàng Gia        | 12457582  | VIE | 1715 |      | S35  |      | Biên Hòa Chess  |
| 4  |     | Ngô, Minh Hằng           | 12426768  | VIE | 1685 | w    |      | x    | I-Chess         |
| 5  | AIM | Ngô, Thanh Tú            | 12426776  | VIE | 1685 |      | S35  | x    | Masters of Time |
| 6  |     | Võ, Nguyễn Thiên Ân      | 12436305  | VIE | 1667 |      | U11  |      | Bình Dương      |
| 7  |     | Nguyễn, Việt Dũng        | 12431680  | VIE | 1625 |      | U13  |      | An Giang        |
| 8  | ACM | Phan, Quốc Việt Anh      | 12438642  | VIE | 1540 |      |      | x    | Masters of Time |
| 9  |     | Nguyễn, Thiên Ngân       | 12447854  | VIE | 1534 | w    | U11  |      | An Giang        |
| 10 | AIM | Vũ, Hạo Nhiên            | 12460796  | VIE | 1525 |      | U07  |      | Super Kids      |
| 11 |     | Võ, Quang Minh           | 12485047  | VIE | 1460 |      | U07  |      | Super Kids      |
| 12 | AFM | Đỗ, Ngọc Minh Long       | 561013510 | VIE | 0    |      | U09  |      | Cờ vua Sài Gòn  |
| 13 |     | Lê, Hồng Anh             | 12494682  | VIE | 0    |      | U11  |      | TP.HCM          |
| 14 |     | Lê, Hồng Vũ              | 12494674  | VIE | 0    |      | U11  |      | TP.HCM          |

Tìm tất cả chi tiết giải đấu này theo <https://chess-results.com/tnr1491804.aspx?lan=29>

Máy chủ Chess-Tournaments-Results: Chess-Results